TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2023/DS-ST
Ngày: 18/8/2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, Chủ toạ phiên toà: Ông Dương Phúc Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lưu Ly

2. Bà Phan Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thủy – Thư ký Toà án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Anh Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 247/2022/TLST-DS ngày 27/12/2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sảntheo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2023/QĐXXST-DS ngày 26/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2023/QĐST-HPT ngày 21/7/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Ngô Y, sinh năm 1943
Địa chỉ: A B, Phường D, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Anh D, sinh năm 1992
Địa chỉ: 1 L, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Hợp đồng ủy quyền số 014642 do Văn phòng C1, địa chỉ: B T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 22/12/2022).

(có mặt)

- *Bị đơn:*

1. Ông Tang S, sinh năm 1980 (vắng mặt)

2. Bà Khou K, sinh năm 1945 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ thường trú: B M, Phường F, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, nguyên đơn ông Ngô Y có ông Trần Anh D làm đại diện theo ủy quyền trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên ông Ngô Y có cho ông Tang S và bà Khou K vay số tiền 5.000.000.000đồng theo Hợp đồng vay tiền số 1952 do Văn phòng C1, địa chỉ: B L, Phường G, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 20/7/2020; mục đích vay: để mua hệ thống sản xuất nước tinh khiết phục vụ sản xuất kinh doanh; thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày ký và công chứng hợp đồng; lãi suất 1.5%/tháng, trả lãi vay theo kỳ 01 tháng/lần, từ ngày 18 đến ngày 21 dương lịch mỗi kỳ, trường hợp bên vay chậm trả lãi cho bên cho vay quá 30 ngày thì bên vay phải chịu lãi suất chậm trả là 0.05%/ngày tương ứng với số ngày chậm trả lãi. Phía bị đơn ông Tang S đã ký nhận số tiền 5.000.000.000đồng vào ngày 20/7/2020. Theo biên bản làm việc ngày 17/12/2021 tại Ủy ban nhân dân D1, Quận F, bà Khou K và ông Tang S có ký xác nhận còn nợ ông Ngô Y số tiền gốc là 7 tỷ đồng (bao gồm số tiền vay 5 tỷ đồng của Hợp đồng vay tiền số 1952 và 2 tỷ đồng của lần vay khác) và cam kết hạn chót trả nợ vào tháng 3/2022 (âm lịch).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, ông Tang S và bà Khou K đã trả cho ông Ngô Y 08 tháng tiền lãi tính đến ngày 20/3/2021 (trong đó gồm 06 tháng trong thời hạn vay và 02 tháng quá thời hạn vay) với số tiền 5.000.000.000đồng x 1.5%/tháng x 8 tháng = 600.000.000đồng. Sau đó phía bị đơn không tiếp tục trả tiền gốc và tiền lãi cho nguyên đơn, ông Ngô Y đã nhiều lần đề nghị Ủy ban nhân dân Phường D1, Quận F tiến hành hòa giải, làm việc giữa hai bên, tuy nhiên bà K và ông S chỉ hứa hẹn nhưng không thực hiện việc trả nợ.

Đến ngày 27/12/2021, ông Tang S và bà Khou K đã trả 500.000.000đồng tiền lãi chậm trả tính từ ngày 21/3/2021 đến ngày 06/10/2021 (5.000.000.000đồng x 0.05%/ngày x 200 ngày).

Nay nguyên đơn ông Ngô Y yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Tang S và bà Khou K trả một lần số tiền còn thiếu tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: 6.702.500.000đồng, trong đó số tiền gốc là 5.000.000.000đồng, tiền lãi chậm trả tính từ ngày 07/10/2021 đến ngày 18/8/2023 là 5.000.000.000đồng x 0,05% x 681 ngày =1.702.500.000đồng.

** Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn ông Ngô Y có ông Trần Anh D làm đại diện theo ủy quyền yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông Tang S và bà Khou K tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc theo thỏa thuận tại Hợp đồng vay tiền kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi hoàn thành hết nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn.

Bị đơn bà Khou K và ông Tang S vắng mặt không có lý do đến lần thứ hai mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến: Việc tuân

theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, tại phiên tòa bị đơn ông Tang S và bà Khou K đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ 2 nên Tòa án xét xử vắng mặt là đúng theo quy định pháp luật. Qua kiểm sát vụ án tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Yêu b ông Tang S và bà Khou K có trách nhiệm trả cho ông Ngô Y tổng số tiền tính đến ngày 18/8/2023 là: 6.702.500.000đồng, trong đó số tiền gốc là 5.000.000.000đồng, tiền lãi chậm trả tính đến ngày 18/8/2023 là 1.702.500.000 đồng và tiền lãi phát sinh sau ngày 18/8/2023 theo quy định trong hợp đồng vay giữa hai bên. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và kết luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 về việc chấp hành pháp luật tố tụng và nội dung của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền theo loại việc: Ông Ngô Y khởi kiện yêu cầu bà Khou K và ông Tang S thanh toán tiền gốc và lãi vay theo Hợp đồng vay tiền số 1952 do Văn phòng C1 chứng nhận ngày 20/7/2020. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền theo lãnh thổ:

Theo Hợp đồng vay tiền số 1952 do Văn phòng C1 chứng nhận ngày 20/7/2020 thể hiện địa chỉ thường trú của ông Tang S và bà Khou K tại số B M, Phường F, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ kết quả xác minh của Công an P, Quận F ngày 08/02/2023: *Ông Tang S và bà Khou K có đăng ký thường trú tại B M, Phường F, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 10/10/1989, ông Tang S và bà Khou K không có cư ngụ tại địa phương từ tháng 6/2022 đến nay, đi đâu không rõ*.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định không cung cấp được cho Tòa án địa chỉ nơi cư trú hiện nay của ông Tang S và bà Khou K và có cung cấp địa chỉ nơi làm việc hiện nay của bà Khou K tại số D Hậu Giang, Phường A, Quận F.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T (mã số doanh nghiệp: 0301123421) do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cung cấp thì công ty có địa chỉ trụ sở tại số 410/4D Hậu Giang, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh do bà Khou K, chức danh: Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty. Theo kết quả xác minh

của Công an P1, Quận F ngày 07/4/2023 thì *bà Khou K không có đăng ký thường trú hay tạm trú và không thực tế cư trú tại địa chỉ 410/4 đường H, Phường A, Quận F*.

Như vậy, ông Ngô Y đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của ông S và bà K được ghi trong Hợp đồng vay tiền số 1952 ngày 20/7/2020 được coi là "*đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở*". Việc ông Tang S và bà Khou K thay đổi nơi cư trú mà không báo cho ông Y biết địa chỉ nơi cư trú mới được coi là cố tình giấu địa chỉ theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở xác định địa chỉ của bị đơn tại Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận 6, Thành phố H.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết giấy triệu tập và các văn bản tố tụng cho ông Tang S tại địa chỉ số B M, Phường F, Quận F và cho bà K1 Khenh tại 02 địa chỉ số B M, Phường F, Quận F và số D Hậu Giang, Phường A, Quận F. Đồng thời tiến hành thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trong vụ án.

Bị đơn ông Tang S và bà Khou K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án nhưng không đưa ý kiến và đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn vẫn tiếp tục vắng mặt vì vậy căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền gốc:

Ông Ngô Y có cho ông Tang S và bà Khou K vay số tiền là 5.000.000.000đồng theo Hợp đồng vay tiền số 1952 do Văn phòng Công chứng Nguyễn Thị Vân C chứng nhận ngày 20/7/2020 để để mua hệ thống sản xuất nước tinh khiết phục vụ sản xuất kinh doanh, thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày ký và công chứng hợp đồng. Xét thấy, các bên tham gia ký kết hợp đồng đều có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự, tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117 Bộ luật dân sự 2015.

Tính đến nay đã hết thời hạn vay theo hợp đồng vay tiền, mặc dù phía bị đơn đã nhiều lần hứa trả nợ theo các biên bản làm việc tại Ủy ban nhân dân Phường D1, Quận F nhưng đến nay vẫn chưa trả cho ông Ngô Y khoản tiền gốc nào. Xét thấy ông Tang S và bà Khou K đã vi phạm về thời hạn vay thỏa thuận

tại Điều 2 của Hợp đồng vay tiền, căn cứ quy định tại Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật đối với số tiền nợ gốc 5.000.000.000đồng là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về yêu cầu thanh toán tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ:

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay tiền, ông Tang S và bà Khou K đã trả cho ông Ngô Y 08 tháng tiền lãi tính đến ngày 20/3/2021 (trong đó gồm 06 tháng tiền lãi trong thời hạn vay và 02 tháng tiền lãi quá thời hạn vay) với số tiền 5.000.000.000đồng x 1.5%/tháng x 8 tháng = 600.000.000đồng. Đến ngày 27/12/2021, ông Tang S và bà Khou K đã trả tiếp 500.000.000đồng tiền lãi chậm trả tính từ ngày 21/3/2021 đến ngày 06/10/2021 (5.000.000.000đồng x 0.05%/ngày x 200 ngày). Từ ngày 07/10/2021 cho đến nay bị đơn không trả khoản tiền lãi nào cho nguyên đơn, căn cứ thỏa thuận tại Điều 4 của Hợp đồng vay tiền, bị đơn có nghĩa vụ trả tiền lãi chậm thanh toán với mức lãi suất 0,05%/ngày trên số tiền gốc chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tính đến ngày xét xử sơ thẩm: 5.000.000.000đồng x 0.05/ngày x 681ngày =1.702.500.000đồng là phù hợp với quy định với Điều 357 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên có cơ sở chấp nhận.

[6] Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc theo mức lãi suất các bên thoả thuận trong hợp đồng vay tiền kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ cho nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/11/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất phạt nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng:

Nguyên đơn ông Ngô Y phải chịu lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Tang S và bà Khou K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm của số tiền vốn vay và tiền lãi còn thiếu 6.702.500.000đồng là: 112.000.000 đồng + 0,1%x(6.702.500.000-4.000.000.000đồng)= 114.702.500đồng.

Nguyên đơn ông Ngô Y là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009 và Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên được miễn nộp tạm ứng án phí. Ông Ngô Y không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hồi đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án;

- Căn cứ Nghị quyết số số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Tang S và bà Khou K có trách nhiệm trả cho ông Ngô Y tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 6.702.500.000đồng (Sáu tỷ, bảy trăm lẻ hai triệu, năm trăm nghìn đồng), trong đó số tiền gốc là 5.000.000.000đồng, tiền lãi chậm trả tính đến ngày 18/8/2023 là 1.702.500.000đồng theo Hợp đồng vay tiền số 1952 do Văn phòng Công chứng Nguyễn Thị Vân C, địa chỉ số B L, Phường G, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 20/7/2020.

Thời hạn thanh toán là ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ, ông Tang S và bà Khou K còn phải trả cho ông Ngô Y khoản tiền lãi phát sinh tính trên số nợ gốc theo mức lãi suất các bên thoả thuận trong hợp đồng vay tiền nêu trên.

Thi hành án tại cơ quan Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Tang S và bà Khou K phải chịu 114.702.500đồng (Một trăm mười bốn triệu, bảy trăm lẻ hai nghìn, năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Ngô Y không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Quận 6;
- CCTHADS Quận 6;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Phúc Trường